

ĐƠN XIN GIA NHẬP HỘI KỸ THUẬT NỔ Mìn VIỆT NAM

Kính gửi: Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam

*Phòng 502, Nhà 12 tầng, Trường Đại học Mở - Địa chất,
18 Phố Viên, phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội*

ẢNH
(4 x 6 cm)

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Quê quán:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Số CCCD:.....

Điện thoại:.....

Email:.....

Tên đơn vị công tác:.....

Địa chỉ đơn vị công tác:.....

Chức vụ:.....

Sau khi nghiên cứu tôn chỉ, mục đích và Điều lệ của Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam, tôi thấy chuyên môn, nghề nghiệp của tôi phù hợp với hoạt động của Hội.

Tôi tự nguyện viết đơn này xin gia nhập Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam với tư cách là:..... (Hội viên cá nhân / Hội viên tổ chức / Hội viên liên kết / Hội viên danh dự).

Tôi xin cam kết hoạt động theo đúng Điều lệ của Hội và đóng Hội phí đầy đủ.

....., ngàytháng..... năm.....

Người viết đơn

- Lưu ý:**
1. Dán ảnh chân dung vào đúng vị trí trong Đơn (nếu là tập thể thì dán ảnh người đại diện)
 2. Nộp kèm Bản sao Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu còn thời hạn (đối với cá nhân).
 3. Nộp kèm Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tập thể).
 4. Có thể scan Đơn và các giấy tờ kèm theo gửi về Hội theo địa chỉ email: **ktnm.vn@gmail.com**

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép thành lập Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Ban vận động thành lập Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thành lập Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam.

Điều 2. Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam là tổ chức xã hội – nghề nghiệp; tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt, tuân thủ quy định của pháp luật và chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và các bộ, ngành khác có liên quan về lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chủ tịch Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

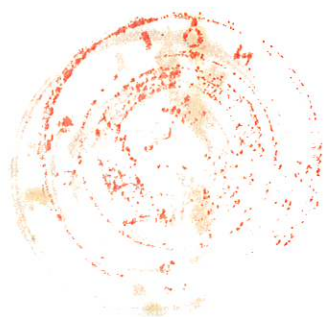
Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Bộ NV (để b/c);
- Bộ Công Thương;
- Bộ Công an;
- Lưu: VT, TCPCP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Dĩnh



BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 817 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ Hội Kỹ thuật nông thôn Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102- SL/L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Kỹ thuật nông thôn Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Kỹ thuật nông thôn Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ I (nhiệm kỳ 2010 - 2015) của Hội thông qua ngày 16 tháng 10 năm 2010 tại Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Kỹ thuật nông thôn Việt Nam, Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Đinh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Văn Tuấn (để báo cáo);
- Bộ Công Thương;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Công an (A81, C64);
- Lưu: VT, TCCP, T.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tiến Dinh

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

HỘI KỸ THUẬT NỔ Mìn VIỆT NAM

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 817 /QĐ-BNV
ngày 30 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I

TÊN GỌI, TÊN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên gọi của Hội

1. Tên gọi bằng tiếng Việt: Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam.
2. Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Vietnam Blasting Engineering Association.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VBEA.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế đã và đang hoạt động trong các lĩnh vực có liên quan đến nổ mìn và vật liệu nổ công nghiệp trên phạm vi cả nước nhằm mục đích: Đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ nhau thúc đẩy ngành kỹ thuật nổ mìn Việt Nam phát triển thông qua việc nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm, cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng cho hội viên; tham gia đào tạo, phổ biến và ứng dụng những thành tựu khoa học - công nghệ nổ mìn vào sản xuất; phát triển kinh tế - xã hội phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước, hội nhập với kỹ thuật nổ mìn các nước trong khu vực và trên thế giới.

Điều 3. Nguyên tắc, phạm vi hoạt động và địa vị pháp lý

1. Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam được tổ chức theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản; tự chủ về tài chính và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của Hội.
2. Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam hoạt động trên phạm vi cả nước, theo Điều lệ của Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ hiến pháp, pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và các Bộ, ngành khác có liên quan về lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam có tư cách pháp nhân, con dấu, biểu tượng và tài khoản riêng; cơ quan ngôn luận của Hội là Tạp chí kỹ thuật nổ mìn Việt Nam.

5. Trụ sở chính của Hội đặt tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội, có văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 4. Nhiệm vụ của Hội

1. Hoạt động theo đúng Điều lệ đã được phê duyệt.

2. Tập hợp, đoàn kết, giúp đỡ hội viên trong việc nghiên cứu khoa học, trao đổi kinh nghiệm, học tập, phổ biến kiến thức, phát huy khả năng sáng tạo và giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, nâng cao kiến thức chuyên ngành nổ mìn nhằm đóng góp được nhiều hơn cho mỗi doanh nghiệp và đất nước.

3. Thường xuyên tuyên truyền, vận động những người làm công tác nổ mìn học tập để thực hiện đúng quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp.

4. Tổ chức tư vấn và bồi dưỡng kiến thức nổ mìn, nâng cao năng lực quản lý và điều hành công tác nổ mìn, nhằm thực hiện công việc có hiệu quả nhất.

5. Xây dựng, ban hành và hướng dẫn hội viên thực hiện quy tắc đạo đức trong hoạt động nghề nghiệp.

Điều 5. Quyền hạn của Hội

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.

2. Đại diện cho hội viên, chi hội trong các hoạt động có liên quan đến tôn chỉ, mục đích và nhiệm vụ của Hội.

3. Được thực hiện các dự án, chương trình, đề tài thuộc lĩnh vực tư vấn, phổ biến kiến thức pháp luật có liên quan đến chuyên ngành nổ mìn khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hoạt động theo quy định hiện hành của Luật Khoa học công nghệ và các quy định của cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến dự án, chương trình, đề tài, nhiệm vụ khoa học; phổ biến, huấn luyện kiến thức và nghiên cứu khoa học về kỹ thuật nổ mìn cho hội viên theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao trình độ, bồi dưỡng kỹ năng kiến thức nổ mìn cho cán bộ và hội viên theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp hoạt động giữa các hội viên, tổng hợp ý kiến của các hội viên để có tiếng nói thống nhất về những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các hội viên, đền chính sách pháp luật, quy chế đối với chuyên ngành nổ mìn. Kiến nghị với các tổ chức và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các vấn đề có liên quan đến Hội và bảo vệ quyền lợi của hội viên.

6. Đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của hội viên trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế.

7. Được nhận các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

8. Được xuất bản sách, báo, tạp chí của Hội theo quy định của pháp luật.

9. Được quan hệ và tham gia các tổ chức hiệp hội các nước trong khu vực và thế giới có cùng lĩnh vực hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với thông lệ quốc tế để trao đổi thông tin và kinh nghiệm, góp phần thúc đẩy kỹ thuật nổ mìn trong nước phát triển, hoà nhập với khu vực và thế giới.

10. Được thành lập văn phòng đại diện và các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

11. Khen thưởng và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng cho các tổ chức, cá nhân hội viên đạt nhiều thành tích xuất sắc trong công tác chuyên môn và công tác phát triển Hội.

12. Xử lý kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân hội viên vi phạm Điều lệ Hội.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 6. Hội viên

Hội viên Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam gồm có hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự.

1. Hội viên chính thức của Hội: Là các tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động trong các lĩnh vực khai thác mỏ, xây dựng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, quốc phòng... có liên quan đến nổ mìn và vật liệu nổ công nghiệp phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội, có điều kiện tham gia thường xuyên vào các hoạt động của Hội, tôn trọng Điều lệ Hội, tự nguyện làm đơn gia nhập Hội đều có thể được Ban Thường vụ Trung ương Hội xem xét, kết nạp làm hội viên Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam.

Đối với hội viên là tổ chức thuộc Bộ Quốc phòng, khi có nguyện vọng tham gia Hội, cần có văn bản đồng ý của cơ quan quản lý trên một cấp đối với tổ chức đó.

2. Hội viên liên kết và hội viên danh dự của Hội: Là công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện trở thành hội viên chính thức nhưng có đóng góp

cho sự phát triển của Hội được Ban Thường vụ Trung ương Hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết hoặc hội viên danh dự.

Hội viên liên kết và hội viên danh dự được hưởng các quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức của Hội nhưng không có quyền ứng cử, bầu cử vào Ban Chấp hành và các chức danh lãnh đạo, không tham gia biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 7. Quyền hạn của hội viên

1. Được thảo luận và biểu quyết mọi công việc của Hội, ứng cử, đề cử và bầu cử vào Ban Chấp hành Hội.

2. Được bồi dưỡng về chính trị, tư tưởng, quy chế chuyên môn và được khuyến khích phát huy khả năng nghề nghiệp để công tác tốt hơn.

3. Được trình bày các đề tài nghiên cứu khoa học trong các buổi sinh hoạt khoa học kỹ thuật của Hội để các bạn đồng nghiệp giúp đỡ, bổ sung cho đề tài của mình thêm hoàn thiện.

4. Được Hội xem xét và chọn lọc các công trình nghiên cứu khoa học để đề nghị cơ quan nhà nước khen thưởng hoặc công nhận và bảo vệ quyền tác giả.

5. Được giới thiệu đăng tải các công trình của mình trên các tạp chí, ấn phẩm của Hội Kỹ thuật nông dân Việt Nam, các tạp chí khác trong và ngoài nước. Hội viên được thăm quan, trao đổi kinh nghiệm ở trong nước và nước ngoài khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép (nhất là đối với các hội viên đang công tác trong lực lượng vũ trang nhân dân).

6. Được Hội bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng trong hoạt động nghề nghiệp nếu xét thấy bị xâm hại.

7. Kiến nghị với Hội để đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến chức năng và quyền hạn của Hội.

8. Được cấp thẻ “Hội viên Hội Kỹ thuật nông dân Việt Nam”. Thẻ hội viên chỉ được sử dụng khi tham gia các hoạt động và các kỳ sinh hoạt của Hội.

9. Được quyền xin ra khỏi Hội.

Điều 8. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuân thủ Điều lệ Hội, các chỉ thị, nghị quyết của Hội.

2. Tuyên truyền phát triển hội viên, vận động quần chúng tích cực hưởng ứng các hoạt động của Hội.

3. Chăm lo xây dựng khối đoàn kết trong Hội, đấu tranh chống tham nhũng, tư tưởng, hành động có hại đến thanh danh, uy tín và sự đoàn kết của Hội.

4. Tích cực học tập chính trị, văn hoá, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ.

5. Tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về các quy định của Nhà nước trong việc sản xuất, sử dụng và tiêu huỷ vật liệu nổ công nghiệp. Khuyến khích

hội viên mạnh dạn ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong công nghệ nông nghiệp đạt hiệu quả cao.

6. Tham gia sinh hoạt của Hội và đóng góp hội phí đầy đủ theo quy định của Hội.

Điều 9. Thể thức vào Hội, ra Hội

1. Hội viên muốn gia nhập hoặc xin ra khỏi Hội Kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam phải làm đơn xin gia nhập hoặc đơn xin ra khỏi Hội và được Ban Thường vụ Trung ương Hội Kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam xem xét, quyết định.

2. Ban Thường vụ Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục, thể thức vào Hội, ra Hội.

Chương IV TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 10. Tổ chức của Hội

1. Đại hội đại biểu toàn quốc.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng Hội.
6. Chi hội cơ sở của Hội theo địa bàn và các đơn vị công tác.
7. Tạp chí nông nghiệp và Website Hội Kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam.

Điều 11. Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc (sau đây gọi chung là Đại hội) của Hội Kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam nhiệm kỳ 5 năm. Thành phần và số lượng đại biểu tham dự Đại hội do Ban Chấp hành Hội quy định. Số lượng đại biểu mời không quá 10% số lượng đại biểu triệu tập.

2. Đại hội bất thường được Ban Chấp hành Hội triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên trong Ban Chấp hành Hội hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

3. Đại hội có nhiệm vụ:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết, đánh giá hoạt động của Hội nhiệm kỳ qua và quyết định mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch công tác của Hội nhiệm kỳ mới;

b) Thông qua báo cáo thu, chi tài chính của Hội;

c) Thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội (nếu có);

d) Quyết định số lượng và bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội nhiệm kỳ mới;

e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

Điều 12. Nguyên tắc biểu quyết của Đại hội

1. Đại hội biểu quyết thông qua những vấn đề quan trọng của Hội bằng cách bỏ phiếu kín hoặc giơ tay. Việc lựa chọn hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

2. Việc biểu quyết thông qua nghị quyết của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 13. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai kỳ Đại hội do Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội bầu ra, họp định kỳ mỗi năm một lần. Số lượng uỷ viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định và bầu trực tiếp. Trường hợp cần thiết, Ban Chấp hành có thể tổ chức hội nghị bất thường do Chủ tịch Hội triệu tập khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên trong Ban Chấp hành Hội yêu cầu.

2. Ban Chấp hành Hội có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a) Tổ chức thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết của Đại hội;
- b) Lãnh đạo công tác của Hội trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội;
- c) Bầu Ban thường vụ Hội gồm Chủ tịch, một số Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và một số uỷ viên Thường vụ;
- d) Chuẩn bị văn kiện Đại hội, quyết định triệu tập Đại hội nhiệm kỳ và Đại hội bất thường; chỉ đạo tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc; chuẩn bị, giới thiệu nhân sự cho nhiệm kỳ tiếp theo;
- đ) Quyết định việc thu, chi tài chính của Hội; quản lý hoạt động của văn phòng Hội, các ban chuyên môn và các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật;
- e) Soạn thảo báo cáo tổng kết hàng năm, xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp hoạt động năm sau.

3. Khi cần thiết giữa nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Hội có quyền bầu bổ sung một số uỷ viên Ban Chấp hành mới, số lượng bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) số lượng uỷ viên đã được Đại hội quyết định.

4. Khi một uỷ viên Ban Chấp hành với tư cách đại diện cho đơn vị cơ sở không thể tiếp tục thực hiện các công việc chuyên trách hoặc bán chuyên trách của Hội thì có quyền đề cử với Ban Chấp hành Hội một cán bộ khác thay thế mình vào cuộc họp gần nhất. Số lượng bổ sung các uỷ viên này nằm ngoài số lượng 1/3 (một phần ba) bổ sung đã được quy định tại Khoản 3 Điều 13.

Điều 14. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Trung ương Hội là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành do Ban Chấp hành bầu ra, giúp Ban Chấp hành giải quyết các công việc thường xuyên của Hội.

2. Ban Thường vụ Trung ương Hội họp định kỳ 6 (sáu) tháng 1 (một) lần, khi cần thiết có thể họp bất thường do Chủ tịch Hội quyết định hoặc khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ đề nghị.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ Trung ương Hội:

a) Thay mặt Ban Chấp hành Hội chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Hội theo nghị quyết của Đại hội, các nghị quyết của Ban Chấp hành Hội và phải báo cáo tình hình hoạt động giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành;

b) Phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và ban hành Quy chế hoạt động của Văn phòng Trung ương Hội, các ban chuyên môn và các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội;

c) Thông qua quyết định bổ nhiệm nhân sự Văn phòng, các ban chuyên môn, các tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội;

d) Thông qua các chương trình, dự án hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phát triển Hội và phát triển nghề nghiệp;

đ) Quyết định thành lập, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật cán bộ, hội viên thuộc các chi hội, các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật; quyết định kết nạp và khai trừ hội viên theo quy định của Điều lệ Hội.

Điều 15. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội bầu ra, gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên. Trưởng ban kiểm tra phải là ủy viên Ban Thường vụ Hội. Ban Kiểm tra hoạt động độc lập về nghiệp vụ, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Hội.

2. Ban Kiểm tra Hội có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Hội, việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội, các nghị quyết và quyết định của Ban Chấp hành Hội, của Ban Thường vụ Hội, hoạt động của các tổ chức do Trung ương Hội quản lý;

b) Kiểm tra việc thu, chi tài chính của Văn phòng Hội, các cơ sở thuộc Hội và báo cáo kết quả kiểm tra tại các cuộc họp thường niên của Ban Chấp hành Hội;

c) Xem xét và kiến nghị với Ban Thường vụ Hội để giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến hội viên và các tổ chức trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật; kiến nghị những biện pháp cần thiết để giải quyết những vấn đề quan trọng cấp bách phát sinh;

d) Có quyền yêu cầu hội viên và các tổ chức, đơn vị của Hội báo cáo, cung cấp những thông tin, tài liệu, chứng từ liên quan đến nội dung và phạm vi kiểm tra của Ban Kiểm tra. Kết luận về các đợt kiểm tra phải được thông báo đầy đủ cho Ban Chấp hành và Ban Thường vụ theo Quy chế hoạt động của Hội và theo quy định của pháp luật;

đ) Ban Kiểm tra có chương trình hoạt động riêng hoặc hoạt động theo đề nghị của Chủ tịch Hội và quyết định của Ban Thường vụ Hội.

Điều 16. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu ra trong số các ủy viên Ban Chấp hành, là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật.

2. Chủ tịch Hội Kỹ thuật nổ mìn Việt Nam có nhiệm vụ:

a) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội, các cuộc họp thường niên, điều hành mọi hoạt động của Hội và quyết định triển khai thực hiện các công việc khác của Hội theo nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Trung ương Hội;

b) Ký quyết định thành lập các ban chuyên môn, bổ nhiệm, bãi nhiệm lãnh đạo các đơn vị và các ban chuyên môn của Hội;

c) Ký ban hành Quy chế quản lý và hoạt động của Hội; ký ban hành các nghị quyết sau khi được Đại hội, Ban Chấp hành hoặc Ban Thường vụ thông qua;

d) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và hội viên về các hoạt động của Hội;

đ) Đại diện Hội trong các mối quan hệ đối nội và đối ngoại;

e) Là chủ tài khoản thứ nhất của Hội;

g) Điều hành cuộc họp Ban Chấp hành nhiệm kỳ kế tiếp cho đến khi bầu được Chủ tịch mới.

3. Trường hợp khi Chủ tịch vắng mặt, nếu cần có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

Điều 17. Phó Chủ tịch Hội

1. Các Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành Hội bầu, trong đó có một Phó Chủ tịch Thường trực. Phó Chủ tịch được Chủ tịch phân công lãnh đạo một số mặt công tác của Hội, có trách nhiệm và quyền hạn trong phạm vi được phân công và theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Hội.

2. Phó Chủ tịch Thường trực Hội giúp Chủ tịch Hội điều hành các hoạt động của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội và được ủy quyền điều hành các công việc khi Chủ tịch Hội vắng mặt.

Điều 18. Tổng Thư ký Hội

1. Tổng Thư ký Hội là người giúp việc cho Chủ tịch Hội, do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu ra, thường trực giải quyết các công việc của Hội do Chủ tịch Hội phân công và triển khai, điều hành các hoạt động hàng ngày của Hội.

2. Tổng Thư ký Hội có nhiệm vụ:

a) Chuẩn bị nội dung các kỳ sinh hoạt của Ban Chấp hành Trung ương Hội, định kỳ báo cáo Chủ tịch Hội, Ban Chấp hành Trung ương Hội về các hoạt

động của Hội, lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Hội, quản lý tài sản và tài chính của Hội, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và Ban Chấp hành Trung ương Hội; trực tiếp chỉ đạo Văn phòng và các cơ quan nghiệp vụ khác của Hội;

b) Thực hiện chức năng đối nội và đối ngoại của Hội;

c) Tổ chức thư ký và tổng hợp tài liệu các kỳ Đại hội, các hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và hội nghị thường niên của Hội;

d) Tổng Thư ký Hội là chủ tài khoản thứ hai của Hội, chịu trách nhiệm quản lý tài sản của Hội theo sự phân công của Chủ tịch;

đ) Giúp việc cho Tổng Thư ký Hội là Văn phòng và một số nhân viên do Tổng Thư ký đề nghị Chủ tịch Hội xem xét, quyết định;

e) Tổng Thư ký Hội có thể kiêm nhiệm chức danh Chánh Văn phòng.

Điều 19. Văn phòng, các ban chuyên môn và các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội

1. Văn phòng và các ban chuyên môn của Hội là bộ phận giúp việc cho Ban Thường vụ Hội và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội, hoặc một Phó Chủ tịch Hội theo phân công của Chủ tịch Hội.

2. Văn phòng, các ban chuyên môn của Hội do Ban Thường vụ Hội đề nghị Chủ tịch Hội ra quyết định thành lập. Nhân sự Văn phòng Hội, các ban chuyên môn do Ban Thường vụ Hội đề nghị và Chủ tịch Hội ra quyết định bổ nhiệm.

3. Tùy theo nhu cầu công tác, Ban thường vụ Hội có thể thành lập các tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội. Việc thành lập và bổ nhiệm chức danh lãnh đạo của các tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội phải theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 20. Chi hội cơ sở của Hội

1. Chi hội Kỹ thuật nỏ mìn là tổ chức cơ sở của Hội có từ 5 hội viên trở lên. Chi hội được thành lập ở các cơ sở sản xuất, các viện nghiên cứu khoa học, các trường có đào tạo nghề khai thác mỏ, các công ty, xí nghiệp sản xuất và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của chi hội là Đại hội toàn thể hội viên với nhiệm kỳ 2,5 năm (hai năm rưỡi). Trường hợp đặc biệt Ban Chấp hành chi hội có thể triệu tập Đại hội chi hội bất thường khi có 2/3 (hai phần ba) số lượng uỷ viên Ban Chấp hành hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên yêu cầu.

3. Ngoài nhiệm vụ chung nêu ở Điều 4, chi hội cũng có nhiệm vụ tư vấn phản biện khi được yêu cầu và tham gia, phối hợp với cơ quan, tổ chức đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh ở cơ sở.

4. Đại hội của chi hội có nhiệm vụ:

a) Thông qua báo cáo của Ban Chấp hành chi hội;

b) Thông qua quyết toán thu, chi của nhiệm kỳ công tác;

- c) Quyết định nhiệm vụ, phương hướng kế hoạch công tác của chi hội;
- d) Quyết định số lượng và bầu Ban Chấp hành chi hội;
- đ) Cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam.

Điều 21. Ban Chấp hành chi hội

1. Ban Chấp hành chi hội có chức năng, nhiệm vụ:

- a) Thực hiện các nghị quyết của Đại hội chi hội và các chỉ thị, nghị quyết của Hội, lãnh đạo mọi mặt công tác của chi hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội;
- b) Tổ chức hội nghị, hội thảo, báo cáo chuyên đề khoa học thuộc chuyên ngành nông nghiệp hoặc liên quan đến chuyên ngành nông nghiệp;
- c) Tổ chức thu thập ý kiến, nguyện vọng, tìm hiểu tình hình sản xuất và khoa học kỹ thuật để đóng góp những ý kiến về phát triển chuyên ngành nông nghiệp với Trung ương Hội Kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam;
- d) Phối hợp với các cơ quan, đoàn thể để thực hiện các hoạt động của Hội;
- đ) Quản lý hoạt động của hội viên, kết nạp hội viên mới, đề xuất và quyết định khen thưởng những hội viên có thành tích;
- e) Sáu tháng một lần báo cáo lên Ban Chấp hành Trung ương Hội về hoạt động của chi hội và hội viên của mình (trừ trường hợp ngoại lệ phải báo cáo đột xuất);
- g) Đóng hội phí đầy đủ và các khoản phải nộp khác về Trung ương Hội theo quy định;
- h) Ban Chấp hành chi hội cử ra Ban Thường vụ thường trực giải quyết công việc gồm: Chi hội trưởng, một số Chi hội phó và Thư ký chi hội.

Chương V TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 22. Tài chính của Hội

1. Các nguồn thu của Hội gồm:

- a) Hội phí do cá nhân và tập thể từ các chi hội đóng góp;
- b) Thu nhập từ các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đào tạo của Hội cũng như của các chi hội;
- c) Tiền, tài sản của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước ủng hộ theo quy định của pháp luật;
- d) Thu nhập từ các hoạt động hợp pháp khác;
- đ) Nguồn thu từ các hoạt động của Hội không được chia cho hội viên.

2. Các khoản chi của Hội gồm:

- a) Chi cho các hoạt động quản lý của Hội;

- b) Chi cho các hoạt động dịch vụ;
- c) Chi thông tin, tuyên truyền, xuất bản, hội nghị, hội thảo, bồi dưỡng nghiệp vụ;
- d) Chi hợp tác quốc tế;
- đ) Chi mở văn phòng, thuê trụ sở, mua sắm tài sản, bảo trì thiết bị văn phòng và phương tiện vận chuyển;
- e) Chi về tiền lương và phụ cấp, công tác phí, bảo hiểm phúc lợi cho các bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác Hội;
- g) Chi phí hành chính của Hội;
- h) Chi khen thưởng và khoản chi khác theo quy chế tài chính của Hội;
- i) Chi nộp các khoản thuế nếu có.

Điều 23. Quản lý sử dụng tài sản, tài chính của Hội

1. Tài sản, tài chính của Hội được quản lý, sử dụng theo quy định của Ban Chấp hành Hội và tuân thủ các quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính hàng năm của Hội phải được kiểm toán và báo cáo trong Hội nghị Ban Chấp hành, trong Đại hội nhiệm kỳ của Hội và công khai theo quy chế tài chính của Hội.

Điều 24. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể và đổi tên Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể và đổi tên Hội thực hiện theo quy định của Bộ Luật dân sự, Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và các văn bản hướng dẫn thi hành, nghị quyết Đại hội của Hội và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Hội tự giải thể theo đề nghị của ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức. Trường hợp Hội tự giải thể theo nghị quyết của Đại hội thì nghị quyết đó phải được ít nhất trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên hoặc đại biểu chính thức tham dự Đại hội biểu quyết thông qua.
3. Khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể Hội thì Hội phải tiến hành kiểm kê toàn bộ tài chính, tài sản đầy đủ, chính xác, kịp thời và tiến hành các thủ tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương VI KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 25. Khen thưởng

Các hội viên và các tổ chức của Hội có thành tích xuất sắc trong công tác phát triển Hội và trong lĩnh vực hoạt động do Hội phân công sẽ được Hội Kỷ thuật nỏ mìn Việt Nam khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 26. Kỷ luật

1. Các hội viên và các tổ chức của Hội nếu lợi dụng danh nghĩa của Hội làm trái với các quy định của Điều lệ Hội, làm tổn hại đến uy tín, danh dự của Hội, tùy theo mức vi phạm sẽ bị khiển trách, cảnh cáo hoặc khai trừ khỏi Hội. Trường hợp gây thiệt hại về tài sản, tài chính của Hội thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Hội viên vi phạm pháp luật bị khởi tố trách nhiệm hình sự hoặc bị tòa án tước quyền công dân đương nhiên bị xóa tên khỏi danh sách hội viên.

Điều 27. Thẩm quyền xét khen thưởng và kỷ luật hội viên

Ban Thường vụ Trung ương Hội Kỹ thuật nỏ mìn Việt Nam quy định cụ thể về hình thức, quy trình, thủ tục, thẩm quyền xét khen thưởng và kỷ luật trong nội bộ Hội.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Kỹ thuật nỏ mìn Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu có mặt tại Đại hội tán thành, biểu quyết thông qua và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ Hội Kỹ thuật nỏ mìn Việt Nam gồm 7 Chương, 29 Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất (nhiệm kỳ 2010 - 2015) của Hội Kỹ thuật nỏ mìn Việt Nam nhất trí thông qua ngày 16 tháng 10 năm 2010 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ vào các quy định của pháp luật về hội và Điều lệ hội, Ban Chấp hành Hội Kỹ thuật nỏ mìn Việt Nam có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.